

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HÙNG
CƯỜNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HÙNG CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110790470

3. Ngày thành lập: 22/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Căn LK10, Khu nhà hỗn hợp và một phần làm nhà ở để bán cho cán bộ,chiến sỹ thuộc
Cục cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (C14-Bộ công an), Phường Trung
Vân, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0898 555 686

Fax:

Email: quoctehungcuong.com.vn@gma Website:
il.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá; Môi giới mua bán hàng hoá (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
6.	Bán buôn thực phẩm Loại trừ: Bán buôn thực phẩm chức năng (Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định 67/2016 NĐ-CP)	4632
7.	Bán buôn đồ uống Loại trừ rượu	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ: + Bán buôn dược phẩm (Điều 32, Luật Dược 2016); + Bán buôn dụng cụ y tế (Điều 40, Điều 42, Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế); + Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649

10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Loại trừ: + Bán buôn dược phẩm (Điều 32, Luật Dược 2016); + Bán buôn dụng cụ y tế (Điều 40, Điều 42, Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế); + Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm vàng miếng)	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm động vật, thực vật, hoá chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)	4669
18.	Bán buôn tổng hợp (Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4690(Chính)
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Loại trừ rượu	4711
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4719
21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ rượu	4723
24.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
25.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
26.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
27.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
28.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
29.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
30.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
31.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

32.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
33.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
34.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
35.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại trò chơi, đồ chơi có hại cho việc giáo dục phát triển nhân cách và sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội)	4764
36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
39.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
40.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
41.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: hóa chất, động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư; Kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4784
42.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
43.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: hóa chất, động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư; Kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4789
44.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
45.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
46.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
47.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô (Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
50.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021

51.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
52.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Không bao gồm hoạt động, dịch vụ hoa tiêu)	5222
55.	Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay)	5224
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay)	5229
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
62.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
63.	Cho thuê xe có động cơ	7710
64.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương Mại 2005) (Không bao gồm hoạt động Nhà nước cấm) (Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án và Hoạt động đấu giá độc lập và dịch vụ lấy lại tài sản) (Trừ tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý theo quy định của Luật Luật sư)	8299

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯU CÔNG HUY	Căn hộ số 3412 CT4 Vimeco, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	999.900	9.999.000.000	33,330	0360790094 93	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	999.900	9.999.000.000	33,330		
2	NGUYỄN TRỌNG ĐẮC	Số 14 Ngõ 639 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	999.900	9.999.000.000	33,330	0010780216 98	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	999.900	9.999.000.000	33,330		

3	BÙI VĂN HIỆU	P1710- B1TJSC34, Ngõ 164 Đường Khuất Duy Tiên, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0340810008 81
			Cổ phần phổ thông	1.000.2 00	10.002.000.000	33,340	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.000.2 00	10.002.000.000	33,340	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG HOAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036081000457

Ngày cấp: 13/05/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1010, Tòa B11B Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1010, Tòa B11B Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội